

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 4202 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường Kim Tân - Thạch
Định - Thạch Quảng thuộc kế hoạch thực hiện năm thứ nhất hợp phần
khôi phục, cải tạo đường địa phương dự án LRAMP**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án “Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương”, vay vốn Ngân hàng thế giới;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) và Quyết định số 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016;

Thực hiện Văn bản số 12295/UBND-CN ngày 26/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch thực hiện năm thứ nhất, giai đoạn 2017-2019, hợp phần đường, LRAMP tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3663/TTr-SGTVT ngày 27/10/2017 (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 3662/SGTVT-TĐKHKH ngày 27/10/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng thuộc kế hoạch thực hiện năm thứ nhất hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương dự án LRAMP, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng thuộc kế hoạch thực hiện năm thứ nhất hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương dự án LRAMP.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: Khôi phục, cải tạo các yếu tố hình học của tuyến đường để đảm bảo cấp công trình; phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế, văn hóa cho các vùng miền.

4. Nội dung, quy mô đầu tư: Sửa chữa, cải tạo đường Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng, huyện Thạch Thành; tổng chiều dài 19,86km đạt tiêu chuẩn Đường cấp V đồng bằng (TCVN 4054: 2005); $B_n=7,5m$; $B_m=5,5m$; lề đất $B_l=2 \times 1,0m=2,0m$; $V_{tk}=40km/h$; bán kính đường cong nằm $R_{min}=60m$; độ dốc dọc $I_{max}=7\%$; mặt đường láng nhựa, $E_{yc} \geq 75MPa$; công trình thoát nước ngang thiết kế mới vĩnh cửu, tải trọng H30-XB80; tần suất thủy văn tính toán cho nền đường và cống, cầu nhỏ $P=4\%$.

5. Giải pháp thiết kế

5.1. Bình đồ tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo đường hiện tại, điều chỉnh cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=60m$; tại một số vị trí (Km6+650; Km20+914) tuyến đi qua khu đông dân cư, sử dụng bán kính chêm chước $R=30m$ để giảm kinh phí GPMB.

- *Tuyến 1:* Chiều dài 4,59km; điểm đầu Km0 (giao với đường đê sông Bưởi, cuối cầu Kim Tân) thuộc xã Thạch Định; điểm cuối Km4+591,47 (tại ngã ba đường đi cầu Thạch Định) thuộc xã Thạch Tân.

- *Tuyến 2:* Chiều dài 15,27km; điểm đầu Km6+00 (thuộc xã Thạch Sơn); điểm cuối Km21+271,62 (giao với đường Hồ Chí Minh tại Km514+636) thuộc xã Thạch Quảng.

5.2. Trắc dọc: Đường đồ thiết kế bám theo cao độ mặt đường nhựa hiện tại kết hợp bù vênh và thiết kế lớp kết cấu áo đường theo tính toán; độ dốc dọc $I_{max}=7\%$.

5.3. Mặt cắt ngang:

- Tuyến 1: $B_m=3,5m$; $B_n=7,5m$; $B_{lgc}=2 \times 1,0=2,0m$; $B_{ld}=2 \times 1,0=2,0m$; dốc ngang mặt đường và lề gia cố $i=3\%$; dốc ngang lề đất $i_l=4\%$.

- Tuyến 2: $B_m=5,5m$; $B_n=7,5m$; $B_{ld}=2 \times 1,0=2,0m$; dốc ngang mặt đường và lề gia cố $i=3\%$; dốc ngang lề đất $i_l=4\%$.

5.4. Nền đường:

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp sát đáy kết cấu áo đường dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,98$. Mái ta đắp 1/1,5, gia cố bằng trồng cỏ, một số đoạn qua ao hồ, gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng M100.

- Nền đào: Lớp sát đáy kết cấu áo đường đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$ chiều dày 30cm. Mái taluy đào 1/1.

5.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường cấp cao A2, cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc} \geq 77\text{MPa}$. Cấu tạo các lớp từ trên xuống:

- Mặt đường: Trên toàn bộ phần mặt đường và lề gia cố láng nhựa 02 lớp, tiêu chuẩn nhựa $3,0\text{kg/m}^2$.

- Móng lớp trên: Bằng đá dăm chèn đá dăm dày 15cm sau lu lèn.

- Móng lớp dưới (gồm có 2 loại kết cấu như sau):

+ Đối với phần mặt đường mở rộng và gia cố lề: Bằng đá 4x6 dày 15cm.

+ Đối với phần trên mặt đường cũ: Bù vênh bằng đá dăm.

- Xử lý mặt đường bị hư hỏng do sinh lún: Đào bỏ hết lớp đất yếu với chiều sâu trung bình 1,0m, đắp trả bằng đất đá thải đầm chặt và làm móng dưới đá 4x6 dày 15cm; làm móng trên đá dăm chèn đá dăm dày 15cm.

5.6. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc.

Đoạn Km3+900-Km4+200 và Km16+490-Km16+600 (qua khu vực đông dân cư chưa có rãnh thoát nước): Bố trí rãnh kín BTCT lắp ghép; các vị trí qua đường ngang bố trí rãnh chịu lực. Đoạn Km16+100-Km16+200 (qua khu vực ít dân cư chưa có rãnh thoát nước, mặt đường thường xuyên đọng nước): Bố trí rãnh hở hình thang 3 tấm lắp ghép. Tại các vị trí qua nhà dân lắp đặt tấm đan BTCT M200.

- Thoát nước ngang: Thanh lý và thiết kế mới 08 cống bản KĐ=1,0m; nội 06 cống bản KĐ=0,75-1,5m; nội 06 cống tròn D=0,75-1,5m. Kết cấu cống bằng BTXM và BTCT; chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường.

5.7. Nút giao, đường ngang dân sinh:

- Nút giao: Thiết kế 03 nút giao tại Km4+596,57; Km6+647,82 và Km20+931,21. Kết cấu áo đường như trên tuyến chính, bán kính nhánh rẽ $R=15\text{m}$.

- Đường ngang dân sinh: Được vượt nổi đảm bảo êm thuận.

+ Đối với đường hiện trạng là đường đất: Đắp vượt bằng đất đồi đầm chặt.

+ Đối với những đường ngang hiện tại là đường láng nhựa: Vượt nổi bằng móng đá dăm và láng nhựa 02 lớp, tiêu chuẩn nhựa $3,0\text{kg/m}^2$.

+ Đối với đường hiện trạng là đường bê tông: Làm lớp mặt đường BTXM M300 dày 20cm, chiều rộng bằng mặt đường hiện có.

5.8. An toàn giao thông: Theo QCVN 41:2016/BGTVT.

5.9. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông: Bố trí nhân công trực điều tiết đảm bảo giao thông và biển báo tạm thời, đèn tín hiệu.

6. Địa điểm xây dựng: huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

7. Diện tích sử dụng đất: thuộc phạm vi hành lang dành cho đường bộ.

8. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

9. Tổng mức đầu tư: 40.099.511.000 đồng

Trong đó:

+ Chi phí xây lắp	31.185.410.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án	685.217.000 đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.530.020.000 đồng;
+ Chi phí khác	2.053.454.000 đồng;
+ Chi phí dự phòng	3.645.410.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay ngân hàng thế giới và vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2018.

12. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình của Nhà nước.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng của Việt Nam và của Ngân hàng Thế giới WB.

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về kết quả phê duyệt của mình; yêu cầu đảm bảo tiến độ, không vượt tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

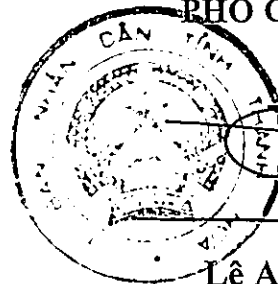
Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

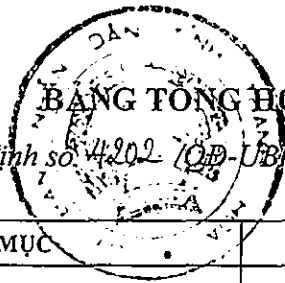
- Như Điều 3-QĐ;

- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Tuấn



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

			Đơn vị: đồng
TT	HẠNG MỤC	DIỄN GIẢI	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		31.185.410.000
II	CHI PHÍ QLDA	2,417% x 28.350.372.727	685.217.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		2.530.020.000
1	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 262/QĐ-SGTVT ngày 28/3/2017	44.386.000
2	Giám sát kỹ thuật - thi công	2,604% x 1,1x 28.350.372.727	812.146.000
3	Chi phí lập HSMT xây lắp	0,209% x 1,1x0,45 29.749.540.000	30.785.000
4	Chi phí đánh giá HSDT xây lắp	0,100% x 32.724.494.000	32.724.000
5	Tư vấn lập HSMT gói thầu TV khảo sát lập NCKT	Quyết định số 262/QĐ-SGTVT ngày 28/3/2017	2.456.000
6	Chi phí đánh giá HSDT tư vấn, KS bước NCKT	Tối thiểu theo ND 63	1.000.000
7	Tư vấn lập HSMT gói thầu TV, khảo sát lập BVTC	0,816% x 1,1x0,45 318.181.818	1.285.000
8	Chi phí đánh giá HSDT tư vấn KS bước TKBVTC	Tối thiểu theo ND 63	1.000.000
9	Chi phí lập HSMT gói thầu tư vấn giám sát thi công	0,816% x 1,1x0,45 738.314.545	2.982.000
10	Chi phí đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công	Tối thiểu theo ND 63	1.000.000
11	Chi phí lập HSMT gói thầu tư vấn kiểm toán	0,816% x 1,1x0,45 333.329.091	1.346.000
12	Chi phí đánh giá HSDT tư vấn kiểm toán	Tối thiểu theo ND 63	1.000.000
13	Chi phí khảo sát, lập BCNCKT	Theo QĐ số 625/QĐ-SGTVT ngày 29/6/2017	668.399.000
14	Chi phí giám sát khảo sát bước NCKT	Quyết định số 262/QĐ-SGTVT ngày 28/3/2017	18.340.000
15	Chi phí khảo sát bước BVTC	Tạm tính	350.000.000
16	Chi phí thiết kế bước BVTC	1,314% x 1,1x 28.350.372.727	409.879.000
17	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	4,072% x 1,1x 318.181.818	14.252.000
18	Giám sát, đánh giá dự án	20,00% x 685.217.000	137.043.400
IV	CHI PHÍ KHÁC		2.053.454.000
1	Bảo hiểm công trình	0,29% x 1,1x 28.350.372.727	90.438.000
2	Thẩm định nghiên cứu khả thi	0,016% x 0,5x 40.098.985.000	3.170.000
3	Thẩm định thiết kế BVTC	0,086% x 28.350.372.727	12.207.000
4	Thẩm định dự toán	0,092% x 28.350.372.727	12.971.000
3	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	0,10% x 32.724.494.000	32.724.000
4	Thẩm định HSMT&KQĐT TV KSTK bước NCKT	Mức tối thiểu	2.000.000
5	Thẩm định HSMT&KQĐT TVKS-TK bước BVTC	Mức tối thiểu	2.000.000
6	Phí thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn giám sát XD	Mức tối thiểu	2.000.000
7	Phí thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn kiểm toán	Mức tối thiểu	2.000.000
8	Chi phí kiểm tra của CQQLNN(tạm tính)	(Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)	30.000.000
9	Chi phí kiểm toán	0,830% x 1,1x 40.098.985.000	366.662.000
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,518% x 0,5x 40.098.985.000	104.032.000
11	Chi phí hạng mục chung		1.393.250.000
11.1	Xây dựng nhà tạm tại hiện trường	2,00% x 1,1x 28.350.372.727	623.708.200
11.2	Chi phí phục vụ trực tiếp thi công XD công trình	2,00% x 1,1x 28.350.372.727	623.708.200
11.3	Đảm bảo ATGT	Bảng chi tiết	145.834.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		3.645.410.000
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng	10,0% x 1+II+III+IV	3.645.410.100
	TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ	I+II+III+IV+V	40.099.511.000